

Bản án số: 75/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hà

2. Ông Lưu Đình Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Kim T; Sinh năm: 1994

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Trương Văn M; Sinh năm: 1988

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/6/2022 và bản tự khai, chị Bùi Kim T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trương Văn M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 18/8/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến đầu năm 2021 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Thời gian kéo dài khiến cho cả hai vợ chồng đều cảm thấy mệt mỏi, chán nản. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ từ đầu năm 2021 đến nay và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không

còn, không thể chung sống được nữa nên đề nghị TAND huyện Thạch Thành giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trương Khánh D, sinh ngày 17/5/2011, hiện nay đang ở với bố và bà nội. Để tránh sự xáo trộn trong sinh hoạt của cháu, chị T đề nghị được giao con cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Quá trình giải quyết vụ án, chị T xin thay đổi về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Chị đề nghị cấp dưỡng cho cháu D mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã Tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập anh Trương Văn M để nộp bản tự khai nhưng anh M không có mặt nên không có lời khai của anh M trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Kim T được ly hôn anh Trương Văn M; Về con chung: Giao cháu Trương Khánh D, sinh ngày 17/5/2011 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh M không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh M theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Anh M đã được thông báo hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh M đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa, chị T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh M.

[5]. Về hôn nhân: Chị Bùi Kim T và anh Trương Văn M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 18/8/2015 và không vi phạm các cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2021 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống nên hay xảy ra cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Hiện tại, chị T và anh M đã ly thân hơn 01 năm nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này đã được chính quyền xã T xác nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Nay chị T nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M, HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Bùi Kim T được ly hôn anh Trương Văn M.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung. Xét thấy, từ trước đến nay thì cháu luôn ở với bố và bà nội. Do đó, để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống và sinh hoạt của các cháu, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị T. Giáo cháu Trương Khánh D, sinh ngày 17/5/2011 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

[7]. Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 107, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Kim T được ly hôn anh Trương Văn M.

Về con chung: Giao cháu Trương Khánh D, sinh ngày 17/5/2011 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2022 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi hoặc đến khi các đương sự có yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng khác. Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Chị T có quyền được thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Bùi Kim T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con. Chị T đã nộp tạm ứng án phí DSST là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số AA/2021/0007674 ngày 21/6/2022, chị T còn phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Bùi Kim T và anh Trương Văn M. Chị T và anh M có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu HSVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc